

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TBV24B1**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH001186**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Pháp luật chuyên ngành BVTV**

Số TC: **1**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2456201160214	Trần Duy	Bảo	04/05/2009				9.5	9.0				7.0		7.9
2	2456201160215	Lê Hoàng	Bình	15/10/2009				9.5	9.0				6.0		7.3
3	2456201160216	La Thị Ngọc	Diệp	17/12/2009				10	9.0				5.0		6.7
4	2456201160217	Bùi Thanh	Duy	06/08/2006				9	9.0				8.0		8.4
5	2456201160218	Tô Hùng	Duy	21/04/2008				9	8.5				5.0		6.5
6	2456201160219	Trương Thanh	Duy	19/09/1999				10	9.0				10.0		9.7
7	2456201160220	Nguyễn Thái Tiến	Đạt	05/05/2008				9	7.0				6.0		6.7
8	2456201160221	Võ Trần Duy	Đô	23/12/2006				8	9.0				8.0		8.3
9	2456201160222	Hoa Quốc	Hào	19/12/2009				5	9.0				8.0		7.9
10	2456201160223	Hồ Đăng	Hùng	31/07/2009				9	7.5				6.5		7.1
11	2456201160224	Đồng Hiểu	Khang	03/11/2009				8	8.0				0.0	0.0	3.2
12	2456201160226	Nguyễn Chí	Khiết	12/07/2006				9	9.0				7.5		8.1
13	2456201160227	Lâm Tuấn	Kiệt	09/02/2006				9	8.5				9.5		9.2
14	2456201160228	Trương Ngọc	Lễ	09/11/2009				10	9.0				5.0		6.7
15	2456201160229	Trần Phước	Linh	20/12/2009				9	8.0				5.5		6.6
16	2456201160230	Ngô Phước	Lộc	11/01/2005				9.5	8.5				8.0		8.3
17	2456201160231	Nguyễn Quang	Minh	25/10/2009				7	7.0				2.0	6.5	6.7
18	2456201160232	Lâm Thị Mỹ	Ngân	07/12/2007				10	9.0				0.0	8.0	8.5
19	2456201160233	Nguyễn Phạm Kim	Nguyên	08/01/2009				9.5	9.0				5.5		7.0
20	2456201160234	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	29/06/2009				9.5	9.0				6.0		7.3
21	2456201160235	Lê Thị Huyền	Nhi	03/10/2004				10	7.0				4.0	10.0	9.2
22	2456201160236	Nguyễn Trọng	Phúc	28/08/2009				9.5	7.0				0.0	0.0	3.1
23	2456201160237	Phan Huỳnh Hữu	Phúc	01/12/2009				7	7.0				5.0		5.8
24	2456201160238	Đoàn Minh	Phước	26/09/2009				9	9.0				5.5		6.9
25	2456201160240	Lê Thị Thu	Quỳnh	27/01/2009				10	9.0				0.0	7.0	7.9
26	2456201160241	Đỗ Thanh	Sang	03/12/2008				7.5	8.5				0.0	0.0	3.3
27	2456201160242	Phạm Quang	Sử	04/07/2009				9	9.0				6.0		7.2
28	2456201160243	Đặng Thành	Tánh	30/12/2006				9	9.0				10.0		9.6
29	2456201160244	Trần Thiện	Tâm	25/01/2008				8	9.0				0.0	6.5	7.4
30	2456201160245	Đặng Chí	Thảo	29/04/2009				7.5	8.5				0.0	9.0	8.7
31	2456201160246	Nguyễn Trung	Thắng	31/07/2008				10	9.0				6.5		7.6
32	2456201160247	Nguyễn Chí	Thiện	26/08/2006				9	9.0				7.0		7.8
33	2456201160248	Nguyễn Phú	Thuận	12/05/2009				8	7.0				5.0		5.9
34	2456201160249	Nguyễn Minh	Thương	28/10/2009				9.5	9.0				8.5		8.8
35	2456201160250	Phạm Thị Cẩm	Tiên	27/02/2009				9.5	9.0				0.0	0.0	3.7
36	2456201160251	Nguyễn Công	Vinh	07/01/2009				9.5	9.0				7.0		7.9

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 28 tháng 7 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Quốc Trinh